

Số: **4490**/QĐ-UBND

Văn Chấn, ngày **26** tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Chấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 2494/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Căn cứ Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Văn Chấn;

Xét đề nghị của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ tại Tờ trình số 198 -TTr/TC-NV ngày 24/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Chấn.

Điều 2. Giao các cơ quan, đơn vị liên quan:


1. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính; tổng hợp và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị; báo cáo kết quả về Cơ quan Tổ chức - Nội vụ để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền; Thủ trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Tổ giúp việc BCĐCCHC;
- Trang TTĐT của huyện;
- Lưu: VT, VP. 



CHỦ TỊCH

Đặng Duy Hiến



QUY ĐỊNH
Về quy trình đánh giá và Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân các xã thị trấn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4490/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn)

Chương I
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy trình đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (viết tắt là Chỉ số CCHC) hàng năm được áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã) trên địa bàn huyện Văn Chấn.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá

- Việc đánh giá Chỉ số CCHC của UBND cấp xã được tổ chức định kỳ hàng năm.
- Việc đánh giá phải đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng, phản ánh kịp thời, đúng tình hình thực tế kết quả thực hiện công tác CCHC của UBND các xã, thị trấn.
- Các phương pháp tính toán phải đảm bảo tính khoa học, số liệu thống kê rõ ràng, nguồn thông tin có độ tin cậy và chính xác cao. Không đánh giá những nội dung, tài liệu không liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC được công bố, công khai ngay sau khi Tổ thẩm định kết quả Chỉ số CCHC của huyện hoàn thành việc thẩm định, đánh giá và UBND huyện có quyết định phê duyệt.

Điều 3. Nội dung đánh giá kết quả Chỉ số CCHC

- Kết quả Chỉ số CCHC được đánh giá qua 08 nội dung sau:
 - Công tác chỉ đạo điều hành CCHC.
 - Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là VBQPPL).
 - Cải cách thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC).
 - Cải cách tổ chức bộ máy hành chính.
 - Cải cách chế độ công vụ.
 - Cải cách tài chính công.
 - Hiện đại hóa nền hành chính.
 - Đánh giá tác động của CCHC (thông qua điều tra xã hội học).

2. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần và cách tính điểm được quy định tại Bộ tiêu chí kèm theo Quy định này.

Điều 4. Thẩm quyền đánh giá

UBND huyện có thẩm quyền đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp xã.

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Đánh giá qua tài liệu kiểm chứng: UBND cấp xã tiến hành tự đánh giá, chấm điểm đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần thông qua các tài liệu kiểm chứng. Số điểm tự đánh giá, tự chấm của UBND các xã, thị trấn được công nhận hoặc điều chỉnh sau khi có kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của huyện; đồng thời đối chiếu với tài liệu kiểm chứng và các thông tin qua công tác kiểm tra, theo dõi của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực trong các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số CCHC.

2. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Cơ quan Tổ chức - Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tiến hành điều tra, khảo sát đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc điều tra, khảo sát được tiến hành thông qua việc sử dụng mẫu phiếu điều tra xã hội học để thực hiện cung cấp và tiếp nhận thông tin cần điều tra, khảo sát.

Điều 6. Thang điểm đánh giá

1. Thang điểm tối đa để đánh giá đối với UBND cấp xã là 100 điểm, trong đó:

a) Điểm đánh giá thông qua tài liệu kiểm chứng là: 75 điểm.

b) Điểm đánh giá tác động của cải cách hành chính thông qua điều tra xã hội học là: 25 điểm.

2. Chỉ số CCHC của UBND cấp xã được xác định dựa trên tỷ lệ điểm đạt được so với tổng điểm tối đa.

Điều 7. Quy trình đánh giá

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC (viết tắt là Bộ tiêu chí) quy định tại Chương II Quy định này; đồng thời, đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại địa phương mình để thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần (viết tắt là TC, TCTP) trong Bộ tiêu chí. Trình tự đánh giá như sau:

1. Bước 1: UBND cấp xã tiến hành tự đánh giá, chấm điểm theo Bộ tiêu chí, Scan các file tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định, công văn... được UBND cấp xã ban hành) để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP. Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng phải là bản chụp của văn bản giấy dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định; có nội dung giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần gửi về Tổ thẩm định của huyện qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ.

Sau khi hoàn tất việc tự đánh giá, chấm điểm, các địa phương tiến hành rà soát lại kết quả, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP phải trùng khớp. Khi hoàn tất các bước trên, các địa phương Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm (đã được lãnh đạo phê duyệt) và gửi tổ Thẩm định của huyện qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ.

2. Bước 2: Cơ quan Tổ chức - Nội vụ chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã.

3. Bước 3: Cơ quan Tổ chức - Nội vụ phân quyền đánh giá, chấm điểm cho các thành viên trong Tổ thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của huyện theo từng lĩnh vực phụ trách để các thành viên tiến hành thẩm định, đánh giá đối với số điểm tự chấm của UBND cấp xã.

4. Bước 4: Các thành viên trong Tổ thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của huyện gửi kết quả thẩm định, đánh giá qua tài liệu kiểm chứng về Cơ quan Tổ chức - Nội vụ để tiến hành tổng hợp kết quả thẩm định, đánh giá và thực hiện phân tích Phiếu điều tra xã hội học để chấm điểm chung đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

5. Bước 5: Căn cứ kết quả tổng hợp, chấm điểm, đánh giá Chỉ số CCHC qua tài liệu kiểm chứng và qua điều tra xã hội học, Cơ quan Tổ chức - Nội vụ tiến hành xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp xã để trình UBND huyện ban hành Quyết định công bố và xếp hạng Chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp xã trên địa bàn huyện.

Chương II

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 9. Bộ tiêu chí, đánh giá chấm điểm đối với UBND cấp xã

Được cấu trúc thành 08 lĩnh vực đánh giá với 42 tiêu chí và 50 tiêu chí thành phần, gồm:

1. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL: 04 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần.
3. Cải cách TTHC: 04 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí.
5. Cải cách chế độ công vụ: 05 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.
6. Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí.
7. Hiện đại hóa nền hành chính: 07 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần.
8. Đánh giá tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội: 02 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.

(Chi tiết Bộ tiêu chí kèm theo Quy định này).

Điều 10. Ban hành Quyết định công bố Chỉ số CCHC hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan Tổ chức - Nội vụ tiến hành tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm, trình UBND huyện ban hành Quyết định công bố theo các nội dung quy định tại Bảng TC, TCTP nêu tại Điều 8 Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Thời gian thực hiện

Hàng năm UBND cấp xã thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của địa phương mình và gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm về tổ thẩm định của huyện qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ trong thời gian từ ngày 25/12 đến ngày 10/01 năm kế tiếp của năm kế hoạch (theo hướng dẫn của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ).

Quá thời hạn nêu trên Cơ quan Tổ chức - Nội vụ sẽ không tiếp nhận kết quả tự đánh giá chấm điểm của địa phương nộp chậm so với thời hạn quy định.

Điều 12. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức triển khai thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm đối với UBND cấp xã do ngân sách nhà nước đảm bảo và được giao bổ sung trong dự toán ngân sách hàng năm của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phân công lãnh đạo, công chức hoặc bộ phận trực tiếp tham mưu về công tác CCHC thực hiện việc theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại địa phương mình.

b) Tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần thông qua tài liệu kiểm chứng và gửi về Cơ quan Tổ chức - Nội vụ để thẩm định theo đúng thời gian quy định.

2. Các phòng: Tư pháp, Văn hóa và Thông tin, Tài chính - Kế hoạch, Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền (là thành viên Tổ thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính của huyện) theo lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các địa phương và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình.

3. Phòng Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thẩm định dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm, trình UBND huyện xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

4. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ

a) Hàng năm có trách nhiệm chủ động tham mưu, xây dựng, trình UBND huyện ban hành Kế hoạch và dự toán kinh phí triển khai nhiệm vụ xác định Chỉ số

CCHC của UBND cấp xã (trong đó, đối với nội dung điều tra xã hội học, phải xác định rõ nhóm đối tượng, quy mô điều tra, thiết kế bộ câu hỏi, tổ chức điều tra và tổng hợp, phân tích Phiếu điều tra). Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện sau khi Kế hoạch được phê duyệt.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu thực hiện nhiệm vụ CCHC của UBND cấp xã về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

c) Tổng hợp, thẩm định kết quả chấm điểm và xếp hạng Chỉ số CCHC của UBND cấp xã trước khi báo cáo, trình UBND huyện ban hành Quyết định công bố và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về kết quả tổng hợp, thẩm định, xếp hạng của mình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời tham mưu, đề xuất UBND huyện tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số CCHC hàng năm ngay sau khi UBND huyện có Quyết định công bố Chỉ số CCHC của các địa phương.

d) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện và kịp thời tham mưu, trình Chủ tịch UBND huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh các địa phương kịp thời báo cáo UBND huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ) để xem xét, quyết định./.

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: **4490/QĐ-UBND** ngày **26** /11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	14	
1	Kế hoạch CCHC	1,5	
1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC: - Ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch: 0,25 điểm; - Nội dung kế hoạch: Bám sát theo kế hoạch CCHC của huyện, xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC của địa phương; có phụ lục kèm theo kế hoạch, trong đó phải thể hiện cụ thể, rõ kết quả đầu ra, trách nhiệm triển khai, kinh phí thực hiện, thời gian hoàn thành: 0,25 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành Kế hoạch không đúng thời gian quy định: 0 điểm.	0,5	
1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC: - Hoàn thành 100% kế hoạch: 01 điểm; - Hoàn thành từ 90 đến dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm; - Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0 điểm.	1	
2	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC	5	
2.1	Báo cáo định kỳ: quý I, 6 tháng, Quý III và năm (các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định) - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định mỗi loại báo cáo: 1 điểm; - Không thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định: 0 điểm.	4	
2.2	Báo cáo chuyên đề về công tác CCHC theo yêu cầu của UBND huyện: - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định: 01 điểm; - Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo: 0 điểm.	1	
3	Thực hiện kiểm tra và tự kiểm tra về công tác CCHC	2	
3.1	Thực hiện tự kiểm tra CCHC tại địa phương	1	
3.2	Xử lý các vấn đề sau kiểm tra: - Đảm bảo 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 01 điểm; - Từ 90% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm; - Dưới 90% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm.	1	
4	Sáng kiến, giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC	1	

	<ul style="list-style-type: none"> - Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC, do tác giả (đồng tác giả) thuộc cơ quan đơn vị đề xuất được “Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh” công nhận đã được áp dụng và mang lại hiệu quả cao trong thực tiễn, mỗi sáng kiến 01 điểm và tổng điểm không quá 02 điểm; - Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC do tổ chức, cá nhân đề xuất được “Hội đồng sáng kiến cấp huyện” công nhận đã áp dụng và mang lại hiệu quả cao trong thực tiễn, mỗi sáng kiến: 0,5 điểm và tổng điểm không quá 01 điểm; - Không có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC: 0 điểm 	1	
5	Công tác tuyên truyền CCHC	2,5	
5.1	<p>Ban hành kế hoạch tuyên truyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch: 0,25 điểm; - Nội dung bám sát theo Kế hoạch CCHC của huyện, xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC của địa phương; có phụ lục cụ thể kèm theo kế hoạch, rõ ràng kết quả đầu ra, trách nhiệm triển khai, kinh phí thực hiện, thời gian hoàn thành: 0,25 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành kế hoạch không đúng thời gian quy định : 0 điểm. 	0,5	
5.2	<p>Tổ chức tuyên truyền CCHC bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải thông tin CCHC trên website, Fanpage của địa phương, tổ chức tuyên truyền trên các trang thông tin của huyện, của tỉnh: 0,5 điểm; - Tổ chức tuyên truyền sáng tạo bằng hình thức khác (tham gia các cuộc thi, tọa đàm, đối thoại...): 0,5 điểm; - Không tổ chức tuyên truyền: 0 điểm. 	1	
5.3	<p>Tham gia cuộc thi trắc nghiệm trên mạng Internet tìm hiểu về cải cách hành chính do Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh tổ chức trong năm 2021:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia đạt từ 90%-100%: 0,5 điểm; nếu có cán bộ, công chức đạt giải trong cuộc thi được cộng thêm 0,5 điểm; - Tham gia dưới 90%: 0 điểm. 	1	
6	Thực hiện các nhiệm vụ chính trị năm 2021 được Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 02/CTr-HĐ ngày 15/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	2	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao: 02 điểm; - Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng còn có nhiệm vụ chậm so với tiến độ: 01 điểm; - Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0 điểm. 	2	
II	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN, RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (QPPL)	7	
1	Xây dựng, ban hành văn bản QPPL	1	
1.1	Xây dựng, ban hành văn bản QPPL:	0,5	

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng văn bản QPPL trong năm khi được giao theo quy định tại Điều 30 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: 0,5 điểm; - Không xây dựng văn bản QPPL trong năm khi được giao theo quy định tại Điều 30 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: 0 điểm. 		
1.2	<p>Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của luật: 0,5 điểm; - Không thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định của luật: 0 điểm. 	0,5	
2	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	2	
2.1	<p>Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kịp thời (trước ngày 15/01 của năm kế hoạch): 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành muộn: 0 điểm. 	0,5	
2.2	<p>Tổ chức thực hiện tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ việc tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền: 0,5 điểm; - Không thực hiện tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền: 0 điểm. 	0,5	
2.3	<p>Thực hiện rà soát văn bản QPPL:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện rà soát đầy đủ, kịp thời 100% văn bản: 0,5 điểm; - Không thực hiện rà soát đầy đủ, kịp thời 100% văn bản: 0 điểm. 	0,5	
2.4	<p>Xây dựng báo cáo công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đúng nội dung và gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 30/11: 0,5 điểm; - Báo cáo không đúng nội dung và thời gian hoặc không gửi báo cáo: 0 điểm. 	0,5	
3	Tổ chức triển khai văn bản QPPL và theo dõi kết quả tình hình thi hành pháp luật	4	
3.1	<p>Tổ chức triển khai, thực hiện văn bản QPPL do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh, huyện ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số văn bản QPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời: 01 điểm; - Từ 75% đến dưới 100% số văn bản QPPL được triển khai thực hiện: 0,5 điểm; - Dưới 75% số văn bản QPPL được triển khai: 0 điểm. 	1	
3.2	<p>Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kịp thời (theo thời hạn được quy định trong Kế hoạch của UBND huyện): 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành quá thời hạn: 0 điểm. 	0,5	
3.3	<p>Tổ chức thực hiện hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật gồm: Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 01 điểm; - Chỉ thực hiện 01/02 hoạt động theo dõi thi hành pháp luật nêu trên: 0,5 điểm; - Không thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật nêu trên: 0 điểm. 	1	

3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật: - <i>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 01 điểm;</i> - <i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm.</i>	1	
3.5	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình theo dõi thi hành pháp luật: - <i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian quy định (trước ngày 18/11): 0,5 điểm;</i> - <i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định trên: 0 điểm.</i>	0,5	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	12,5	
1	Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát TTHC hàng năm theo Kế hoạch của UBND huyện	5,5	
1.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC: - <i>Ban hành đảm bảo đủ nội dung, đúng thời hạn quy định: 0,5 điểm;</i> - <i>Không ban hành hoặc ban hành sau thời hạn quy định: 0 điểm.</i>	0,5	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý, năm về tình hình kiểm soát TTHC: - <i>Có báo cáo đầy đủ đảm bảo thời gian theo quy định: 1 điểm;</i> - <i>Nhập số liệu lên Hệ thống Báo cáo Chính phủ đúng thời gian theo quy định: 1 điểm;</i> - <i>Không có báo cáo hoặc báo cáo không theo đúng thời gian quy định: 0 điểm.</i>	2	
1.3	Ban hành Kế hoạch rà soát TTHC: - <i>Ban hành đúng thời gian và đầy đủ nội dung theo Kế hoạch của UBND huyện: 0,5 điểm;</i> - <i>Không ban hành hoặc ban hành sau thời hạn quy định: 0 điểm.</i>	0,5	
1.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát TTHC: - <i>Hoàn thành 100% kế hoạch, có phương án đơn giản hóa: 1 điểm;</i> - <i>Hoàn thành 100% kế hoạch, không có phương án đơn giản hóa: 0,75 điểm;</i> - <i>Hoàn thành 90% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm;</i> - <i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0 điểm.</i>	1	
1.5	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC: - <i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (hoặc không có vấn đề được phát hiện qua rà soát): 1,5 điểm;</i> - <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm.</i>	1,5	
2	Công bố, công khai thủ tục hành chính	1	
	Công bố, công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị và niêm yết công khai trực tiếp bằng bản giấy tại Bộ phận Phục vụ hành chính công cùng cấp: - <i>Công khai 100% số TTHC: 01 điểm;</i> - <i>Công khai dưới 100% số TTHC: 0 điểm.</i>	1	

3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (TTHC được thực hiện tại Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã)	5	
3.1	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông: - Từ 20 TTHC trở lên: 01 điểm; - Từ 5 đến dưới 20 TTHC: 0,5 điểm; - Dưới 5 TTHC: 0 điểm.	1	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: - Từ 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn: 1 điểm; - Từ 95% đến dưới 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức sau: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1}{100\%}$ - Dưới 95% hồ sơ giải quyết đúng hạn: 0 điểm.	1	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn: - Từ 50% hồ sơ giải quyết trước hạn: 2 điểm; - Từ 30% đến dưới 50% hồ sơ giải quyết trước hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức sau: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ trước hạn} \times 2}{100\%}$ - Dưới 30% hồ sơ giải quyết trước hạn: 0 điểm.	2	
3.4	Tỷ lệ việc thư xin lỗi vì giải quyết TTHC do trễ hạn: - 100% hồ sơ giải quyết TTHC giải quyết trễ hạn có thư xin lỗi đầy đủ, đúng quy định (hoặc không có hồ sơ trễ hạn): 1 điểm; - Dưới 100% hồ sơ giải quyết TTHC giải quyết trễ hạn không có thư xin lỗi hoặc thư xin lỗi không đúng thời gian quy định: 0 điểm.	1	
4	Xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:	1	
	- 100% vấn đề phản ánh kiến, nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (không có kiến nghị xử lý của cá nhân, tổ chức): 01 điểm; - Từ 95% đến dưới 100% vấn đề phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm - Dưới 95% số vấn đề phản ánh kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm.	1	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	5	
1	Thực hiện quy định của Trung ương và hướng dẫn của tỉnh, của huyện về hệ thống chính quyền cơ sở	2	
	Thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân - Có ban hành Quy chế làm việc của UBND: 01 điểm	2	

	- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 01 điểm; - Chưa thực hiện đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0 điểm.		
2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị	1	
	- Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 01 điểm; - Thực hiện vượt số lượng người làm việc được giao: 0 điểm.	1	
3	Thực hiện phân cấp quản lý do UBND huyện ban hành	1	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 01 điểm; Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm.	1	
4	Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị	1	
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 0,5 điểm Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 0,5 điểm	1	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	7	
1	Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí, chức danh	1	
1.1	Công chức chuyên môn được bố trí theo đúng vị trí chức danh - Đảm bảo 100% bố trí đúng quy định: 01 điểm; - Dưới 100% bố trí đúng quy định: 0 điểm.	0,5	
1.2	Công tác bầu các chức danh cán bộ cấp xã - Đảm bảo đúng quy trình, quy định: 01 điểm - Chưa đảm bảo đúng quy trình: 0 điểm	0,5	
2	CB, CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức	1	
	- 100% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 01 điểm; - dưới 100% cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 0 điểm.	1	
3	Thực hiện văn hóa công sở và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	1	
	- không có CB, CC bị vi phạm phải xử lý kỷ luật: 1 điểm; - Có CB, CC bị vi phạm phải xử lý kỷ luật: 0 điểm.	1	
4	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	2	
4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định - Đúng quy định: 01 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm.	1	
4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức - 100% cán bộ, công chức được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 01 điểm; - Từ 95% đến dưới 100% cán bộ, công chức được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”: 0,5 điểm;	1	

	- Dưới 95% cán bộ, công chức được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”: 0 điểm.		
5	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ, công chức cấp xã	2	
5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ cấp xã: - Từ 95% cán bộ cấp xã đạt chuẩn trở lên: 01 điểm; - Từ 90% đến dưới 95% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5 điểm; - Dưới 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm.	1	
5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ với công chức cấp xã: - 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 01 điểm; - Từ 95% đến dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5 điểm; - Dưới 95% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0 điểm.	1	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6	
1	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại UBND cấp xã	1	
	- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 01 điểm; - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm.	1	
2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2	
	- Không có kiến nghị: 02 điểm - 100% số kiến nghị được thực hiện: 01 điểm; - Từ 80% đến dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0,5 điểm; - Dưới 80% Số kiến nghị được thực hiện: 0 điểm.	2	
3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	1,5	
	- Báo cáo đúng thời hạn quy định: 1,5 điểm; - Không đúng thời hạn quy định: 0 điểm.	1,5	
4	Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ	1,5	
	- Báo cáo đúng thời hạn quy định: 1,5 điểm; - Không có báo cáo hoặc báo cáo chậm thời hạn quy định: 0 điểm.	1,5	
VII	HIỆN ĐẠI HOÁ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	13,5	
A	Đánh giá về mức độ xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số trong hoạt động của cơ quan	9,5	
1	Tỷ lệ văn bản đến/đi được xử lý theo quy trình của Phần mềm quản lý công văn, điều hành	2	
1.1	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý theo quy trình của Phần mềm quản lý công văn, điều hành (không tính văn bản mật), được tính theo công thức:	1	

	$= \frac{\sum \text{văn bản đến được xử lý trên phần mềm}}{\sum \text{văn bản đến của đơn vị}}$		
1.2	<p>Tỷ lệ văn bản đi được xử lý theo quy trình công văn đi của Phần mềm quản lý công văn, điều hành (Không tính văn bản mật), được tính theo công thức:</p> $= \frac{\sum \text{văn bản đi được xử lý trên phần mềm}}{\sum \text{văn bản đi của đơn vị}}$	1	
2	Thực hiện kế hoạch/chương trình hành động thực hiện Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	1	
	<p>Ban hành kế hoạch/chương trình hành động thực hiện Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành Kế hoạch/chương trình hành động trước ngày 30/11/2021: 1 điểm; - Ban hành kế hoạch sau ngày 30/11 năm 2021 hoặc không ban hành Kế hoạch: 0 điểm. 	1	
3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	2	
	<p>Thông kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ; Thông kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC nêu trên; Thông kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên; Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 50% trở lên: 2 điểm; - Dưới 50% tính theo công thức: $= \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ}}{50\%} \times 2 \text{ điểm}$	2	
4	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	2,5	
	<p>Thông kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 02 điểm; - Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ tính theo công thức: $= \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ}}{50\%} \times 2 \text{ điểm}$	2,5	

5	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	2	
5.1	Tỷ lệ của tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI/tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ + Dưới 10%: 0 điểm; + Từ 10% - dưới 30%: 0,5 điểm; + Từ 30% trở lên: 1 điểm.	1	
5.2	Tỷ lệ của tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ BCCI/tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ + Dưới 10%: 0 điểm; + Từ 10% - dưới 30%: 0,5 điểm; + Từ 30% trở lên: 1 điểm.	1	
B	Thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động quản lý hành chính, (Hoạt động áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL của cấp xã)	4	
1	Hoạt động xây dựng, duy trì HTQLCL	2	
2	Hoạt động cải tiến HTQLCL	2	
VIII	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (THÔNG QUA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC)	35	
1	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của UBND cấp xã	10	
2	Tác động của cải cách hành chính	25	
2.1	Tác động chỉ đạo, điều hành: <i>Đánh giá về mức độ quyết tâm của lãnh đạo UBND đối với công tác CCHC.</i>	5	
2.2	Tác động đến văn bản Quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo điều hành: <i>Đánh giá về các văn bản do UBND xã ban hành.</i>	4	
2.3	Tác động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: <i>Đánh giá về chất lượng giải quyết hồ sơ, công việc của các tổ chức, cá nhân.</i>	4	
2.4	Tác động tổ chức bộ máy: <i>Đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của theo phân công.</i>	4	
2.5	Tác động đội ngũ Cán bộ, công chức: - <i>Đánh giá về việc chấp hành Quy chế văn hóa công sở;</i> - <i>Đánh giá về tinh thần, trách nhiệm và đạo đức cán bộ, công chức.</i>	4	
2.6	Tác động cải cách tài chính công: - <i>Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí qua quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị;</i> - <i>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại cơ quan, đơn vị.</i>	4	
	TỔNG CỘNG	100	